

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HS-ST

Ngày: 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đình Hiệp.

Bà Hoàng Thị Lá.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2018/TLST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1997 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn A; con bà: Nguyễn Thị Q; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giam tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 22/6/2018 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1981 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc K; con bà: Không Thị H; vợ: Nguyễn Thị Thu P; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giam tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 22/6/2018 đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Thành C, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1988 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L; con bà: Nguyễn Thị I; vợ: Đỗ Thị Hồng T; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giam tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 22/6/2018 đến ngày 23/7/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

- *Bị hại*: Tập đoàn X Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà X, số 57 W, phường H, quận Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn E – Giám đốc X Lạng Sơn. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Bùi Đắc Cường Z. Trú tại: Phòng 304, khu tập thể nhà A1, ngõ 3 phố T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn F. Trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Quang V. Trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

4. Anh Hoàng Văn D. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện J, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Anh Vy Văn R. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện J, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Anh Lân Văn U. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện J, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Anh Hoàng Văn G. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện J, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt không có lý do.

8. Anh Hoàng Văn O. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện J, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt không có lý do.

9. Anh Nguyễn Mạnh P. Trú tại: Thôn Z, xã A, huyện F, tỉnh Hưng Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn F, Nguyễn Quang V là công nhân Công ty cổ phần Q KBT, cùng ở trọ tại thị trấn G, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để thi công lắp đặt cáp quang theo hợp đồng của công ty. Chiều ngày 06 tháng 6 năm 2018, trên đường về nhà trọ, Nguyễn Văn S phát hiện 01 cuộn dây cáp quang treo kim loại TKL1-LT4-24FO dài 4005m còn

nguyên đai của Tập đoàn X Việt Nam để ở cạnh đường thuộc thôn Y, thị trấn U, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì nảy sinh ý định lấy trộm cuộn dây cáp để bán và rủ Nguyễn Thành C cùng tham gia. Do trước đây từng kéo cáp thuê cho anh Bùi Đắc Z nên Nguyễn Thành C gọi điện cho anh Z bảo có cuộn dây cáp của bạn muốn bán, anh Z đồng ý mua với giá 6.000đ/m. Chiều ngày 08 tháng 6 năm 2018 C tìm được một chiếc xe ô tô tải (không nhớ biển kiểm soát) có ghi số điện thoại nhận chở hàng trên thùng xe, C gọi và thỏa thuận với chủ xe (không biết họ tên, địa chỉ) đến chở cáp từ thị trấn U, huyện C về Hà Nội. Sau đó S, C rủ Nguyễn Văn B cùng đi trộm, B đồng ý. S gọi cho bạn là anh Hoàng Văn D nhờ tìm thêm người hộ đưa cuộn dây cáp của công ty lên xe ô tô chở đến nơi thì công do thả nhằm tuyền, D đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 08 tháng 6 năm 2018, Nguyễn Văn S lấy xe mô tô đã mất biển số của anh Nguyễn Văn F đưa cho Nguyễn Văn B điều khiển chở S, C từ nhà trọ đi đến địa phận xã O, huyện J bị cảnh sát giao thông tạm giữ xe, Nguyễn Thành C để lại số điện thoại của anh Z và số chủ xe ô tô tải cho S rồi gọi anh Nguyễn Quang V đến đón về. S gọi anh D xuống đón S và B đến thôn V, xã H, huyện J rồi anh D gọi thêm Hoàng Văn G, Lãn Văn U, Vi Văn R cùng đi. Hồi 21 giờ ngày 08 tháng 6 năm 2018 khi đến chỗ để cuộn dây cáp, S dùng kim, mà trước đó nhờ anh D mang theo để cắt dây đai bằng sắt và hô mọi người cùng bóc, cạy các mảnh ván đóng xung quanh cuộn dây cáp rồi đẩy cuộn dây ra cạnh đường. Khoảng 30 phút sau khi xe ô tô đến, S nhờ lái xe và phụ xe (không biết tên, địa chỉ) cùng đẩy cuộn cáp lên thùng xe. Sau đó, S đưa cho B 600.000đ để mời D, G, U, R uống nước còn S đi theo xe chở cuộn dây cáp về khu tập thể nhà A1 ngõ 3, phố T, phường Đ, quận B, Hà Nội bán cho anh Z được 24.000.000đ. S trả tiền thuê xe hết 1.600.000đ, chia cho B, C mỗi người 5.000.000đ, đưa cho F 5.000.000đ để đền chiếc xe mô tô bị tạm giữ, đưa cho V 1.000.000đ để đồ xăng.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 Công an huyện Chi Lăng đã khám nghiệm hiện trường, thu giữ: 04 tấm ván bằng gỗ; 02 đoạn dây kim loại; 01 chiếc kim bằng kim loại màu đen, tay cầm bọc cao su màu đỏ có chữ “MEINFA”. Thu giữ của Nguyễn Thành C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, bên trong có số sim 0969.679.991.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chi Lăng, kết luận: Tổng giá trị 4005m dây cáp quang treo kim loại là 55.128.825đ.

Sau khi bị phát hiện, S tự nguyện giao nộp 6.400.000đ; B, C, F giao nộp mỗi người 5.000.000đ; V giao nộp 1.000.000đ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng. Z giao nộp 01 cuộn dây cáp bobin TKL1-LT4-24FO

dài 1500m, 06 cuộn dây cáp quang màu đen TKL1-LT4-24FO dài 1500m, tổng cộng 3000m.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ủy quyền cho anh Nguyễn Mạnh P nhận lại 3000m dây cáp và thỏa thuận bồi thường dân sự. Các bị cáo S, B, C đã bồi thường cho bị hại số tiền là 41.400.000đ theo yêu cầu.

Cáo trạng số 92/CT-VKSCL ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Tuấn B, Nguyễn Thành C về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Tuấn B, Nguyễn Thành C đều khẳng định các bị cáo bị truy tố về tội trộm cắp tài sản là đúng, không oan. Về thời gian, địa điểm, cách thức trộm cắp, tiêu thụ tài sản, vai trò của các bị cáo như nội dung của Cáo trạng là đúng. Các bị cáo cũng khẳng định, chỉ có ba bị cáo là người biết và liên quan trực tiếp đến việc trộm cắp cáp quang của Tập đoàn X Việt Nam. Còn những người khác chỉ hộ trở đi, đưa cáp quang lên xe ô tô mà hoàn toàn không biết các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Đối với lái xe tải và phụ xe tải cũng chỉ là những người được thuê chở cáp quang đi bán; anh Bùi Đắc Z khi mua cuộn cáp quang hoàn toàn không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có.

Anh Bùi Đắc Z trình bày: Tối ngày 08 tháng 6 năm 2018 anh được mua cuộn dây cáp quang của bị cáo Nguyễn Văn S với giá 24.000.000đ là đúng nhưng anh không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Khi biết đó là tài sản trộm cắp anh đã nộp lại cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Chi Lăng 3000m, còn 1000m anh đã sử dụng.

Anh Hoàng Văn D trình bày: Anh được trở bị cáo S và B đến địa điểm để cuộn cáp quang, nhờ người và trực tiếp hộ đưa cuộn cáp quang lên xe ô tô; anh cũng mượn chiếc kim hộ bị cáo S nhưng hoàn toàn không biết đó là tài sản trộm cắp vì bị cáo S đã nói dối đó là do thả nhầm vị trí thi công và trước khi đưa cáp quang lên xe, bị cáo S đã rút một tờ giấy ra để đối chiếu ký hiệu nhằm lừa dối mọi người. Anh không được hưởng lợi gì từ vụ việc này.

Anh Nguyễn Quang V trình bày: Anh được các bị cáo đưa cho 1.000.000đ nhưng không biết đó là tiền có được từ việc trộm cắp tài sản. Anh đã nộp lại số tiền đó tại Cơ quan Điều tra.

Anh Nguyễn Văn F trình bày: Anh cho bị cáo S mượn chiếc xe mô tô, sau đó bị công an thu giữ, bị cáo S đã trả cho anh 5.000.000đ nhưng không biết đó là tiền có được từ việc trộm cắp tài sản. Anh đã nộp lại số tiền đó tại Cơ quan Điều tra và không có yêu cầu gì khác.

Anh Vy Văn R và Lãnh Văn U trình bày: Tối ngày 08 tháng 6 năm 2018 các anh được anh D nhờ đưa cuộn cáp quang lên xe ô tô, sau đó được mời uống bia, các anh hoàn toàn không biết cuộn cáp quang đó là tài sản của người khác bị các bị cáo trộm cắp.

Về vật chứng và phần dân sự: Đối với chiếc điện thoại di động, chiếc kim và các vật chứng khác, các bị cáo yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Về dân sự giữa các bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong. Anh Bùi Đắc Z yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 21.000.000đ bao gồm 3.000.000đ tiền thuê xe trở cuộn cáp từ Hà Nội lên Công an huyện Chi Lăng và 3.000m dây cáp trị giá 18.000.000đ mà anh hoàn trả lại cho cơ quan Công an huyện Chi Lăng để phục vụ điều tra. Các bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Z từ số tiền đã nộp lại cho Cơ quan Điều tra; số tiền còn lại sau khi đã trả lại cho anh Z thì đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C phạm tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 50; 58; 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động và 1.400.000đ; trả lại cho anh Bùi Đắc Z 21.000.000đ; tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc kim và 04 tấm gỗ, 02 đoạn dây kim loại.

Phần tranh luận: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể: Khoảng 21 giờ ngày 08 tháng 6 năm 2018, Nguyễn Văn S cùng Nguyễn Văn B và Nguyễn Thành C đã thực hiện việc lấy trộm cuộn dây cáp quang TKL1-LT4-24FO dài 4005m, trị giá 55.128.825đ (năm mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám nghìn tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) của Tập đoàn X Việt Nam đang thi công để ở thôn Y, thị trấn G, huyện C. Các bị cáo nhờ Hoàng Văn D, Hoàng Văn G, Lành Văn U, Vi Văn R hộ đưa lên xe ô tô thuê chở về Hà Nội bán cho anh Bùi Đắc Z được 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Cáo trạng số 92/CT-VKS, ngày 13/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự của địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích háms lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội, do đó các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án đồng phạm nên cần phải xem xét vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó. Bị cáo Nguyễn Văn S là người khởi xướng rủ Nguyễn Văn B và Nguyễn Thành C tham gia trộm cắp tài sản, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi

phạm tội, đem tiêu thụ tài sản và được hưởng lợi nhiều nhất do vậy bị cáo là người đóng vai trò chính trong vụ án; bị cáo Nguyễn Thành C cùng bị cáo S rủ bị cáo B tham gia trộm cắp tài sản, bị cáo là người tìm nơi tiêu thụ, trực tiếp liên hệ với anh Bùi Đắc Z thỏa thuận giá bán và tìm phương tiện vận chuyển tài sản phạm tội, do đó bị cáo Nguyễn Thành C đóng vai trò tiếp theo; bị cáo Nguyễn Văn B là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và được hưởng 5.000.000đ do vậy bị cáo có vai trò ít nghiêm trọng nhất của vụ án. Tuy nhiên, để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

[6] Nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn B có bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc K được Chính phủ tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng 3 nên bị cáo B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước tại địa phương. Xét thấy không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phù hợp với các quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với Hoàng Văn D, Hoàng Văn G, Lã Văn U, Vy Văn R được cùng hộ các bị cáo đưa cuộn dây cáp quang lên xe ô tô nhưng không biết là tài sản do trộm cắp nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

[12] Đối với lái xe và phụ xe ô tô S thuê vận chuyển cuộn dây cáp đi bán, do không có thông tin cụ thể nên không thể tiến hành điều tra, xác minh.

[13] Đối với anh Bùi Đắc Z là người mua cuộn dây cáp với S; Nguyễn Văn F và Nguyễn Quang V là người được chia tiền, nhưng Z, F, V đều không biết tài sản do S trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

[14] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động bên trong có sim số 0969.679.991 là của Nguyễn Thành C sử dụng để liên hệ việc mua bán tài sản trộm cắp nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; chiếc kim kim loại và 04 tấm gỗ, 02 đoạn dây kim loại không có giá trị sử dụng, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì nên cần tịch thu và tiêu hủy. Đối với số tiền 22.400.000đ do các bị cáo và những người liên quan nộp cho cơ quan điều tra, xác định đây là số tiền bị cáo S có được do bán tài sản trộm cắp cho anh Bùi Đắc Z. Xét thấy anh Z không biết đó là tài sản trộm nên yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 21.000.000đ mà anh đã chi phí là có căn cứ nên cần chấp nhận; số tiền còn lại 1.400.000đ là số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp, tuy các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại nhưng không có yêu cầu gì nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[15] Về dân sự: Giữa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận xong, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[16] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C và đề nghị về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với các quy định.

[17] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa

đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Thành C, Nguyễn Văn B.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 02 (hai) 03 (ba) tháng năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo Nguyễn Thành C cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, màn hình cảm ứng bên trong có sim số 0969.679.991 và 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc kim kim loại màu đen, tay cầm được bọc cao su, 04 tấm gỗ và 02 đoạn dây kim loại.

Trả lại cho anh Bùi Đắc Z 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng).

(theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chi Lăng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng lập ngày 21/11/2018 và theo ủy nhiệm chi ngày 19/11/2018).

Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thành C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THA Hình sự, CA huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang